

Bản án số: 644/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 20/7/2017
V/v chia tài sản sau khi ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Lê Thiên Hương

Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Tây - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh -Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 20 tháng 7 năm 2017 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2017/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp: “Chia tài sản sau khi ly hôn”

Do Bản án sơ thẩm số 91/2017/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận 12 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 557/2017/QĐ-PT ngày 14 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hà Như H**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Đường A Tổ B, Khu phố C, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Bá T**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Đường I, Khu phố K, phường G, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Quang Đ-Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Đỗ Quang D**, sinh năm 1950 (xin vắng mặt).

3.2. Bà **Tô Hồng P**, sinh năm 1969 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Đường L, Phường 17, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Bá T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

* Nguyên đơn bà Hà Như H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Bá T kết hôn năm 2002, do mâu thuẫn gia đình nên đã ly hôn vào năm 2013 theo Bản án số 420/HNPT ngày 28/3/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Bá T tạo lập được căn nhà số đường A Tổ B, Khu phố C, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện trạng nhà lúc mua là một căn phòng trọ bằng vật liệu nhẹ, sau đó sửa chữa nhiều lần và xây mới theo hiện trạng như hiện nay.

Nay bà khởi kiện yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ nhà đất nêu trên. Bà yêu cầu được sở hữu nhà và đồng ý hoàn trả $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất cho ông Nguyễn Bá T. Đối với số vốn điều lệ 500.000.000 đồng của Công ty TNHH Một thành viên in M và 02 xe máy biển số 54Y3 – 1822, biển số 55Y1- 1494, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ý kiến của ông Đỗ Quang D yêu cầu trả nhà, bà không đồng ý vì căn nhà này không phải là nhà ông Đỗ Quang D cho ở nhờ.

* Bị đơn ông Nguyễn Bá T trình bày:

Căn nhà số đường A Tổ B, Khu phố C, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của ông mua năm 2000. Do thời điểm đó ông chưa có hộ khẩu tại Thành phố Hồ Chí Minh nên nhờ ông Đỗ Quang D đứng tên chuyển nhượng đất nhưng sau này bà Hà Như H tự ý lập giấy ghi ông D tặng cho ông căn nhà. Năm 2011 ông sửa chữa lại nhà và sinh sống cho đến nay.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Quang D trình bày:

Ông có quan hệ họ hàng với ông Nguyễn Bá T. Căn nhà số đường A Tổ B, Khu phố C, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của ông. Về Giấy cam kết ngày 09/3/2000 không phải do ông ký tên. Nay ông yêu cầu bà Hà Như H và ông Nguyễn Bá T trả lại căn nhà trên cho ông.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Hồng P trình bày:

Căn nhà số đường A Tổ B, Khu phố C, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của ông Đỗ Quang D trước khi kết hôn với bà. Đối với yêu cầu của ông D, bà không có ý kiến gì.

Tại Bản án sơ thẩm số 91/2017/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2017, tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Khoản 1 Điều 26, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 33, 38 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật Thi hành án dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Như H.

Căn nhà và đất tại địa chỉ số đường A Tổ B, Khu phố C, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của bà Hà Như H và ông Nguyễn Bá T. Bà H và ông T mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà nêu trên.

Bà Hà Như H được quyền sở hữu căn nhà và đất tại địa chỉ số Đường A Tổ B, Khu phố C, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Hà Như H có trách nhiệm hoàn lại cho ông Nguyễn Bá T $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà và đất tại địa chỉ số đường A Tổ B, Khu phố C, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là 186.878.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Việc giao nhận được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12 hoặc do các bên tự thỏa thuận.

Kể từ ngày ông Nguyễn Bá T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Hà Như H chưa thanh toán số tiền trên, thì bà H còn phải trả thêm cho ông T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Bà Hà Như H được quyền liên hệ các cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với căn nhà và đất tại địa chỉ số đường A Tổ B, Khu phố C, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật sau khi đã thực hiện xong việc giao tiền cho ông Nguyễn Bá T.

Đình chỉ yêu cầu của bà Hà Như H về việc chia tài sản chung gồm số tiền vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên in M là 500.000.000 đồng và 01 xe máy biển số 54Y3 – 1822 trị giá 5.000.0000 đồng, 01 xe máy biển số 55Y1-1494 trị giá 5.000.000 đồng.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông Đỗ Quang D về việc yêu cầu ông Nguyễn Bá T và bà Hà Như H trả lại cho ông căn nhà và đất tại địa chỉ số đường A Tổ B, Khu phố C, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04/5/2017, ông Nguyễn Bá T nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận quyền sử dụng đất tại địa chỉ số đường A Tổ B, Khu phố C, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của ông nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Tấn P trước khi kết hôn với bà Hà Như H. Về căn nhà trên đất được xây dựng trong thời kỳ hôn nhân với bà Hoa nên ông đồng ý chia $\frac{1}{2}$ giá trị nhà cho bà Hoa để được sở hữu toàn bộ nhà và đất.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự và người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Bá T bổ sung hợp đồng mua bán đất giữa ông và ông Nguyễn Tấn P. Đây là chứng cứ mới phát sinh tại cấp phúc thẩm mà cần phải làm rõ trước khi xét xử mà cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lê Quang Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Quang D và bà Tô Hồng P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt luật sư và các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Bà Hà Như H và ông Nguyễn Bá T kết hôn năm 2002, ly hôn năm 2013 theo Bản án số 420/HNPT ngày 28/3/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại các đương sự tranh chấp căn nhà số Đường A Tổ B, Khu phố C, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Bá T, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Quá trình cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, tại Đơn cam kết cho nhà ngày 18/7/2000 (BL 46) thể hiện ông Đỗ Quang D cho ông Nguyễn Bá T căn nhà tại tổ 56; Tại Tờ khai nguồn gốc nhà ngày 21/8/2007 (BL 42) ông T khai ông D cho nhà ngày 02/10/2003; Tại Biên bản họp Hội đồng hòa giải ngày 20/6/2012 (BL 39) ông T khai mua nhà của ông D.

Quá trình cấp phúc thẩm giải quyết vụ án, ông Nguyễn Bá T xuất trình bản chính Hợp đồng mua bán đất ngày 15/3/2000 nội dung ông Nguyễn Tấn P chuyển nhượng cho ông một phần đất 50m² có ông Nguyễn Văn N tổ trưởng tổ 56 làm chứng.

Nhận thấy Hợp đồng mua bán đất ngày 15/3/2000 là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm nhưng lại mâu thuẫn với toàn bộ tài liệu chứng cứ tại cấp sơ thẩm nên cần phải làm rõ về nguồn gốc phần đất tại Đường A Tổ B, Khu phố C, phường D, Quận E có phải do ông Đỗ Quang D cho tặng (hoặc chuyển nhượng) hay có nguồn gốc do ông Nguyễn Tấn P chuyển nhượng, thời điểm tạo lập đất có trước hay sau khi chung sống với bà H, và đã trở thành tài sản chung vợ chồng từ thời điểm nào. Xét những vấn đề đó hiện nay tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó, nghĩ nên hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án về tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Án hủy do có tình tiết mới phát sinh, cấp sơ thẩm không có lỗi.

Từ những nhận định trên, để đảm bảo vụ án được giải quyết triệt để và đảm bảo hai cấp xét xử, cần hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 12 giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy Bản án sơ thẩm số 91/2017/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận 12.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 12 giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

- Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Bá T không phải nộp, được hoàn lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2016/0024252 ngày 05/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP HCM;
- Tòa án nhân dân Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Uyên